

Số: *217*/BC-SNNPTNT

Vinh Phúc, ngày *20* tháng *11* năm 2015

BÁO CÁO

Tổng kết 10 năm thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng (từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)

Sở Nông nghiệp & PTNT nhận được văn bản số 463/TTr-NV4 ngày 14/9/2015 của Thanh tra tỉnh Vinh Phúc về việc báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Luật Phòng chống tham nhũng. Sở Nông nghiệp & PTNT báo cáo kết quả thực hiện như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sở Nông nghiệp & PTNT Vinh Phúc là cơ quan chuyên môn giúp UBND tỉnh quản lý Nhà nước về nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp & PTNT hiện có 09 phòng chuyên môn, 08 Chi cục quản lý nhà nước và 14 đơn vị sự nghiệp công lập. Tổng số biên chế được UBND tỉnh giao 426 chỉ tiêu, trong đó công chức giao 192 chỉ tiêu, viên chức giao 176 chỉ tiêu, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP được giao 58 chỉ tiêu. Biên chế có mặt tính đến tháng 06/2015 có 387 người, trong đó công chức là 178 người, viên chức hưởng lương ngân sách là 144 người, viên chức hưởng lương bằng nguồn tự cân đối của các đơn vị là 16 người; hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 49 người. Ngoài ra Sở có 03 hợp đồng dài hạn đóng BHXH được UBND tỉnh giao và 36 lao động hợp đồng ngành được UBND tỉnh hỗ trợ tiền công, tiền lương.

Sở Nông nghiệp & PTNT luôn xác định việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của ngành, góp phần làm trong sạch cơ quan, bảo vệ cán bộ, chống tiêu cực và thực hiện nghiêm đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước.

Thông qua các lớp tập huấn luật phòng chống tham nhũng và hội nghị triển khai nhiệm vụ, kế hoạch hàng năm, lãnh đạo Sở tổ chức quán triệt đến tất cả phòng, ban, đơn vị trực thuộc các nội dung quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng; đồng thời phổ biến những yêu cầu, chỉ tiêu và giải pháp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống tham nhũng của cơ quan hàng năm.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHƯNG

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật PCTN, Chiến lược quốc gia PCTN đến năm 2020, Chương trình hành động của Chính phủ về PCTN, Công ước liên hợp quốc về chống tham nhũng

- Giám đốc Sở, Bí thư Đảng ủy Sở trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về công tác phòng, chống tham nhũng của Sở; các bộ phận liên quan có chức năng, nhiệm

vụ tham mưu, đề xuất, kiểm tra, theo dõi báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng gồm: Thanh tra Sở, Ban thanh tra nhân dân.

- Việc kiểm tra thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được Sở tiến hành mỗi năm 01 đợt đến 2 đợt đối với các đơn vị trực thuộc.

- Nhằm thực hiện có hiệu quả trong công tác phòng ngừa tham nhũng, Sở Nông nghiệp & PTNT đã tổ chức thực hiện và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện tốt một số nhiệm vụ cơ bản như:

+ Thực hiện việc công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, đơn vị trong việc mua sắm tài sản công, công tác đầu tư xây dựng cơ bản; thực hiện cải cách hành chính, giải quyết các thủ tục hành chính thông qua cơ chế “một cửa”;

+ Thực hiện xây dựng, ban hành quy định về chế độ chi tiêu nội bộ, cụ thể các định mức, tiêu chuẩn...theo quy định hiện hành;

+ Công khai, dân chủ trong hoạt động của đơn vị như: Công khai về tài chính, kế hoạch đầu tư; tuyển dụng, bố trí, đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

+ Thực hiện việc luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch của Sở và của đơn vị;

+ Kế khai tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức thuộc diện phải kê khai theo quy định.

- Trong thời gian từ 2006 - 2015 đã ban hành nhiều Kế hoạch về phổ biến giáo dục Pháp luật triển khai đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc như: 345/KH-SNN&PTNT ngày 07/6/2006 về kế hoạch hành động thực hiện phòng, chống tham nhũng của Sở; Kế hoạch số: 148/KH-SNN&PTNT ngày 20/3/2007; Kế hoạch số 141/KH-SNN&PTNT ngày 04/3/2008; 203/KH-SNN&PTNT ngày 11/3/2009; 179/KH-SNN&PTNT ngày 10/3/2010; 152/KH-SNN&PTNT ngày 18/3/2011, 911/KH-SNN&PTNT ngày 5/11/2012; 14/KH-SNN&PTNT ngày 17/4/2014; 40/KH-SNN&PTNT ngày 31/12/2014 về tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật, qua đó phổ biến, giáo dục pháp luật và phòng chống tham nhũng đến cán bộ trong toàn ngành;

Sở Nông nghiệp & PTNT đã ban hành các kế hoạch thực hiện các quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, như:

- Kế hoạch số 72/KH-SNN&PTNT ngày 25/01/2008 triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện kê khai theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng;

- Kế hoạch số 173/KH-SNN&PTNT ngày 19/3/2008 của Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc về luân chuyển cán bộ; Kế hoạch số 173A/KH-SNN&PTNT ngày 19/3/2008 về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức.

- Kế hoạch số 30/KH-SNN&PTNT ngày 25/10/2013 thực hiện Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 06/12/2012 của Chính Phủ về chương trình hành động thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của BCH Trung ương Đảng khóa XI về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, BCH Trung ương Đảng khóa X về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí” giai đoạn 2012-2016, trong đó tập trung quán triệt luật Phòng, chống tham nhũng đến lãnh đạo phòng, ban, đơn vị trực thuộc thông qua các kỳ giao ban hàng tháng, từ đó phổ biến đến 100% cán bộ, đảng viên trong toàn ngành;

2. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

2.1. Việc thực hiện cải cách hành chính.

Thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa” theo Quyết định số 165/QĐ-SNN&PTNT ngày 08/8/2005 về việc Thành lập bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo cơ chế “ một cửa” thuộc Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc.

Ban hành văn bản chỉ đạo hoạt động kiểm soát TTHC và hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở. Kịp thời kiến nghị với cấp có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ các thủ tục hành chính không phù hợp với quy định văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Đến nay Sở có 82 TTHC thuộc 10 lĩnh vực quản lý nhà nước. Sở cũng thường xuyên sửa đổi, cập nhật, kịp thời các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp & PTNT trên trang thông tin điện tử của Sở, Bản tin Nông nghiệp & PTNT của ngành phát hành hàng tháng.

Chỉ đạo Trung tâm Thông tin Nông nghiệp & PTNT thường xuyên cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế của Chính phủ, Bộ, Tỉnh có liên quan đến Nông nghiệp & PTNT để đăng tải trên Website của Sở, Bản tin Nông nghiệp & PTNT.

Phối hợp với các cơ quan thông tin xây dựng các chuyên mục tuyên truyền về CCHC trong lĩnh vực Nông nghiệp & PTNT, xây dựng chuyên mục cải cách hành chính trên Website của ngành, trong đó đăng tải đầy đủ, công khai bộ thủ tục hành chính (TTHC) thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, các tin, bài phản ánh kết quả và tình hình thực hiện công tác CCHC; thiết lập hộp thư, Email để công khai và tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Niêm yết công khai các TTHC tại Sở và các đơn vị trực thuộc. Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị thường xuyên kiểm tra, theo dõi cập nhật kịp thời hồ sơ, tài liệu liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, không để tình trạng tồn đọng kéo dài, ảnh hưởng đến hiệu quả công việc

2.2. Thực hiện công khai minh bạch trong tuyển dụng, bố trí, quy hoạch đào tạo, bổ nhiệm khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

Công tác tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định. Số công chức, viên chức được tuyển dụng đảm bảo năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức, đúng tiêu chuẩn chức danh quy định, bổ sung kịp thời nguồn cán bộ cho các đơn vị. Trong kỳ báo cáo đơn vị đã thực hiện thi tuyển, xét tuyển viên chức ngành cho 134 trường hợp.

Công tác quy hoạch cán bộ được tiến hành thực hiện đồng bộ tại các đơn vị, đảm bảo đầy đủ các bước theo quy định, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác cho từng giai đoạn. Trong thực hiện đã đổi mới cách làm, phát huy được tính dân chủ, đảm bảo nguyên tắc “động” và “mở” trong xây dựng quy hoạch. Đến nay, công tác quy hoạch cán bộ giai đoạn 2015 – 2020 đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã phê duyệt đối với quy hoạch Giám đốc, Phó Giám đốc Sở 17 đồng chí; Giám đốc Sở phê duyệt đối với quy hoạch Trưởng phó, phòng ban đơn vị trực thuộc Sở 159 đồng chí.

Công tác điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý ở các phòng thuộc Sở, đơn vị trực thuộc được thực hiện công khai, dân chủ bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn và quy trình theo quy định về bổ nhiệm cán bộ của Tỉnh ủy và UBND tỉnh. Cán bộ được bổ nhiệm đã phát huy được năng lực, có trách nhiệm với công việc. Việc bố trí, sử dụng công chức tại Sở được thực hiện cơ bản đảm bảo đúng ngành nghề được đào tạo, hàng năm các đơn vị đều có kế hoạch rà soát bố trí công chức, viên chức đảm bảo cơ cấu, phù hợp năng lực chuyên môn từng vị trí công tác. Trong kỳ báo cáo đơn vị điều động, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cho 98 trường hợp.

Trong công tác tổ chức cán bộ, thực hiện công khai, dân chủ trong công tác tuyển dụng, luân chuyển, công tác đào tạo, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật cán bộ theo đúng quy định. Công tác cán bộ được thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; các nội dung về công tác cán bộ đều được tập thể lãnh đạo Sở bàn bạc dân chủ, công khai trước khi quyết định, trên cơ sở Điều lệ Đảng, các quy định, quy chế về công tác cán bộ. Việc phân công, phân nhiệm cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức cụ thể rõ ràng và đúng quy trình đã phát huy được tinh thần, trách nhiệm, tính tích cực, sáng tạo của mỗi cá nhân.

2.3. Thực hiện việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức

Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc đã ban hành kế hoạch số 173a/KH-SNN&PTNT về việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Kế hoạch số 173/KH-SNN&PTNT ngày 19/3/2008 về luân chuyển cán bộ.

Tổng số cán bộ hiện có 823 người (công chức là 178 người, viên chức là 161 người, HĐ68 là 49 người, Hợp đồng là 435 người). Trong đó, số cán bộ làm công tác thanh tra 25 người (Thanh tra viên chính 01 người, thanh tra viên 3 người, công chức, viên chức 18 người, hợp đồng 03 người). Hàng năm Sở tiến hành rà soát số cán bộ thuộc diện chuyển đổi để xem xét thực hiện theo quy định. Tại thời điểm báo cáo Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc có 30 trường

hợp thuộc diện chuyển đổi vị trí công tác, năm 2015 có 02 trường hợp phải chuyển đổi nhưng chưa có cán bộ thay thế.

2.4. Công khai minh bạch trong việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động động đấu thầu sử dụng ngân sách nhà nước

Việc thực hiện các dự án đầu tư, hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi ngành quản lý được thực hiện theo chỉ tiêu kế hoạch của UBND tỉnh giao. Do ngành nông nghiệp có nhiều đầu mối, lĩnh vực khác nhau nên ngoài Ban quản lý dự án NN&PTNT đại diện chủ đầu tư một số dự án do Sở Nông nghiệp & PTNT làm chủ đầu tư, một số đơn vị khác cũng được giao làm chủ đầu tư các dự án XDCB. Việc triển khai, thực hiện các dự án cụ thể do các đơn vị tự chủ, chịu trách nhiệm, đồng thời có sự giám sát, quản lý của Sở và các ngành liên quan.

2.5. Việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình quản lý, phụ trách.

Trong kỳ báo cáo, Sở Nông nghiệp & PTNT chưa xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng.

2.6. Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn.

Sở Nông nghiệp & PTNT ban hành Quyết định số 173/QĐ-SNN&PTNT ngày 01/4/2014 về quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công, thực hiện trong Văn phòng Sở; 100% các đơn vị trực thuộc Sở đã thực hiện xây dựng, ban hành quy định về chế độ chi tiêu nội bộ, cụ thể các định mức, tiêu chuẩn...theo quy định hiện hành; qua đó mọi chi tiêu nội bộ được thực hiện theo đúng quy chế, đảm bảo tính minh bạch, công khai về tài chính.

Công tác kiểm tra việc chấp hành về chế độ định mức tiêu chuẩn: Sở Nông nghiệp & PTNT tiến hành kiểm tra và thẩm định quyết toán tài chính đối với các đơn vị trực thuộc (dự toán cấp II) vào quý I hàng năm đối với kinh phí thực hiện của năm trước.

2.7. Việc thực hiện quyền tự chủ về tài chính, biên chế và giao khoán kinh phí hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có đủ điều kiện; việc thực hiện trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách

Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định 96/2010/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 115/2005/NĐ-CP, Sở Nông nghiệp & PTNT đã chỉ đạo triển khai, phổ biến Nghị định đến các đơn vị trực thuộc các nội dung theo yêu cầu quản lý như: Tự chủ trong sử dụng kinh phí được giao; tiết kiệm kinh phí và chi nhập tăng thêm cho cán bộ, công chức; sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế; xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý tài sản công. Đến nay, 100% các đơn vị trực thuộc đã triển khai, thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định; việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm đã gắn với việc thực hiện cải cách thủ tục hành

chính, quy trình xử lý công việc; các quy trình được xây dựng hợp lý, khoa học, giảm thời gian, giảm thủ tục... công khai, minh bạch theo yêu cầu quản lý.

Tại khối Văn phòng Sở và hầu hết đơn vị trực thuộc việc thanh toán chi hành chính và trả lương công chức, viên chức qua tài khoản ngân hàng.

2.8. Việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản và thu nhập

Trên cơ sở kế hoạch số 4562/KH-UBND ngày 19/12/2007 của UBND tỉnh về kê khai minh bạch tài sản, thu nhập, Sở Nông nghiệp & PTNT đã xây dựng kế hoạch số: 72/KH-SNN&PTNT ngày 25/01/2008 triển khai thực hiện việc kê khai tài sản, thu nhập của các đối tượng thuộc diện kê khai theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng.

Ban hành Kế hoạch số 33/KH-SNN&PTNT ngày 27/11/2014 về việc Tổ chức thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2014; Văn bản số 1481/SNN&PTNT-TCCB ngày 27/11/2014 về việc hướng dẫn thực hiện kê khai tài sản, thu nhập năm 2014; Quyết định số 506/QĐ-SNN&PTNT ngày 28/11/2014 về việc phê duyệt danh sách công chức, viên chức có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập năm 2014; Quyết định số 130/QĐ-SNN&PTNT ngày 09/3/2015 về việc phê duyệt Kế hoạch công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2014. Căn cứ kế hoạch, các đơn vị tiến hành xây dựng kế hoạch và công khai Bản kê khai tài sản theo hình thức phù hợp với điều kiện của từng phòng, ban, đơn vị.

Tại thời điểm số người phải kê khai tài sản thuộc diện Tỉnh ủy quản lý: 04 người (Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở); thuộc diện Sở quản lý (Trưởng, phó phòng, ban, đơn vị và các đối tượng khác thuộc Khối cơ quan Văn phòng Sở): 85 người; thuộc diện đơn vị quản lý: 188 người.

2.9. Việc xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, đạo đức công vụ của cán bộ, công chức

Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại cơ quan Sở Nông nghiệp & PTNT tại Quyết định số 112/QĐ-SNN&PTNT ngày 01/7/2008; Quyết định số 252/QĐ-SNN&PTNT ngày 03/8/2012 của Giám đốc Sở Nông nghiệp & PTNT về việc ban hành Quy chế làm việc tạm thời của Sở Nông nghiệp & PTNT các quy chế này được phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người lao động biết và thực hiện. Việc thực hiện quy chế văn hoá công sở tại các phòng Sở đã đi vào nề nếp, đảm bảo tính nghiêm túc và hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước của Sở Nông nghiệp & PTNT, xây dựng phong cách ứng xử chuẩn mực của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ, góp phần hướng tới mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức tốt, có phong cách chuyên nghiệp, hiện đại, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

2.10. Việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

Trong kỳ báo cáo không có trường hợp báo cáo, nộp lại quà tặng.

2.11. Việc bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị

Mọi hoạt động của cơ quan được công khai trong cuộc họp của cơ quan hoặc hội nghị cán bộ công chức, viên chức tại cơ quan Sở và các đơn vị trực thuộc, trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, trên trang thông tin điện tử của Sở. Sở đã thiết lập hộp thư, Email để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

Sở Nông nghiệp & PTNT là đơn vị dự toán cấp I và có 22 đơn vị dự toán cấp 2 trực thuộc. Hàng năm vào quý III Sở có văn bản hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị trực thuộc căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu thực tế của đơn vị, các văn bản quy định hiện hành để xây dựng dự toán ngân sách hàng năm gửi về Sở để tổng hợp chung gửi Sở Tài chính cân đối, trình UBND tỉnh quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch. Trong Quý I hàng năm, Sở chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiến hành duyệt quyết toán năm trước và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các đơn vị. Việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ dự toán ngân sách đều được công khai, minh bạch và thực hiện đúng các quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

2.12. Các giải pháp đổi mới về công nghệ quản lý và hạn chế tiêu dùng tiền mặt

Sở đã đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất, sửa sang trụ sở làm việc đảm bảo đúng tiêu chuẩn; trang bị máy móc thiết bị hiện đại như máy vi tính, máy in, máy fax, máy chiếu, nối mạng LAN, mạng Internet,... sớm áp dụng công nghệ thông tin trên các lĩnh vực công tác, từ đó nâng cao hiệu quả công việc, giảm chi phí về thời gian và tài chính. Các văn bản chỉ đạo của Sở đến các phòng, ban, đơn vị trực thuộc được triển khai qua hệ thống phần mềm Quản lý văn bản & điều hành, từ đó đã nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và chất lượng công việc.

Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001: 2008, Sở Nông nghiệp & PTNT đã được đánh giá, cấp chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia năm 2011 và đánh giá hoạt động duy trì hệ thống năm 2012. Sở đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc xây dựng quy trình áp dụng ISO theo quy định, đến nay các đơn vị đã hoàn thành và được đánh giá cấp chứng nhận. Thông qua việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng, công tác quản lý hành chính đảm bảo khoa học và hiệu quả; các đơn vị đã rà soát lại chức năng, nhiệm vụ; xác định rõ nhiệm vụ của từng công chức, viên chức; mối quan hệ, sự phối hợp của các đơn vị trong và ngoài ngành; kiểm soát được các tài liệu, lưu trữ, thuận tiện trong tìm kiếm và tra cứu.

Về cơ bản các hoạt động tài chính của đơn vị đều thông qua hình thức chuyển khoản hạn chế tối đa việc sử dụng tiền mặt trong thanh toán.

3. Việc phát hiện, xử lý tham nhũng

3.1. Công tác tự kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định trong nội bộ tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị

Công tác phòng ngừa tham nhũng đã được Đảng uỷ, lãnh đạo Sở và các đơn vị quan tâm chỉ đạo thực hiện như: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng như công tác XD CB, công tác quản lý, sử dụng nguồn vốn NSNN.

3.2. Việc tiếp nhận và xử lý đơn, thư tố cáo, phản ánh trên báo, truyền hình về hành vi tham nhũng

Trong kỳ báo cáo: Không có đơn thư, khiếu nại, tố cáo về hành vi tham nhũng.

3.3. Phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng

Qua công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết đơn của Sở chưa phát hiện, xử lý trường hợp nào có hành vi tham nhũng.

Trong kỳ báo cáo đơn vị có 02 vụ việc tại Chi cục Kiểm Lâm: 01 vụ có 06 trường hợp (5 công chức, 01 Lao động Hợp đồng 68) bị Cơ quan điều tra khởi tố bị can về hành vi nhận hối lộ; 01 vụ khởi tố 02 trường hợp về hành vi giả mạo trong công tác.

4. Hoạt động giám sát PCTN; thanh tra, kiểm tra trách nhiệm và phòng, chống tham nhũng

Từ năm 2006-2013 Thanh tra Sở đã thành lập 13 đoàn kiểm tra về trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định của Luật KNTC và Luật phòng, chống tham nhũng đối với 65 lượt đơn vị trực thuộc. Năm 2014 tổ chức 01 đoàn thanh tra trách nhiệm thủ trưởng đơn vị trong việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và Luật phòng, chống tham nhũng. Theo Kế hoạch thanh tra năm 2015 của Sở, Thanh tra Sở thực hiện kiểm tra, thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về Phòng, chống tham nhũng đối với 01 đơn vị, tổ chức trong quý IV năm 2015.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong PCTN

Nhằm nâng cao vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, xã hội nghề nghiệp, cơ quan báo chí, ngôn luận và các tổ chức, đoàn thể khác trong phòng chống tham nhũng, trên cơ sở những thông tin, bài viết, phản ánh của các tổ chức, đơn vị trên phương tiện thông tin đại chúng hoặc trực tiếp đối với lĩnh vực, địa bàn quản lý của Sở, Lãnh đạo Sở chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị trực tiếp xác minh, làm rõ thông tin phản ánh. Ngoài việc tiếp nhận thông tin phản ánh của các cơ quan, tổ chức, cá nhân qua lãnh đạo Sở, tại địa điểm tiếp công dân, hòm thư điện tử Sở Nông nghiệp & PTNT còn xây dựng mục “Hỏi đáp” trên trang thông tin điện tử “nnptntvinhphuc.gov.vn” nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuận tiện trong việc phản ánh, kiến nghị ... đối với công tác quản lý, điều hành của Sở.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về tình hình tham nhũng và nguyên nhân

Đảng ủy, lãnh đạo Sở Nông nghiệp & PTNT luôn xác định việc thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ chính trị quan trọng của ngành, góp phần làm trong sạch cơ quan, bảo vệ cán bộ, chống tiêu cực và thực hiện nghiêm đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước. Trong thời gian qua, đã chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như tập trung tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN nhằm nâng

cao nhận thức của cán bộ, đảng viên trong ngành về công tác PCTN; công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trên các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng góp phần ổn định, tình hình tham nhũng không diễn biến phức tạp, hệ thống. Tuy nhiên, Sở có nhiều đầu mối, lĩnh vực quản lý nên ở một số lĩnh vực vẫn còn sơ hở, không tránh khỏi các phát sinh tiêu cực như 02 vụ việc nêu ở phần trên với những nguyên nhân chủ yếu:

- Một bộ phận cán bộ, công chức thiếu tu dưỡng rèn luyện, lợi dụng sơ hở trong quản lý, cơ chế, chính sách để thực hiện hành vi tham nhũng; làm trái những quy định, quy trình công tác để vụ lợi.

- Công tác quản lý Nhà nước trên một số lĩnh vực vẫn còn sơ hở.

2. Đánh giá chung về công tác phòng chống tham nhũng

Công tác phòng, chống tham nhũng luôn được Đảng ủy, lãnh đạo Sở quan tâm chỉ đạo tổ chức triển khai đến toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức, người lao động trong toàn ngành đã góp phần nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm trong việc ngăn chặn và hạn chế các hành vi tham nhũng trong thực thi nhiệm vụ.

Các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được tăng cường như: Công khai, minh bạch trong hoạt động chuyên môn của Sở luôn được lãnh đạo Sở quan tâm, chú trọng. Hệ thống văn bản pháp luật và điều hành hoạt động chuyên ngành của Sở được cập nhật thường xuyên trên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, trên trang thông tin điện tử của Sở tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức nắm rõ quy định pháp luật và chấp hành nghiêm các quy định pháp luật trong thực thi nhiệm vụ góp phần tạo được hiệu quả tốt trong công tác phòng chống tham nhũng.

Do vậy, trong thời gian tới Sở Nông nghiệp & PTNT tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác tiếp dân, phòng chống tham nhũng, giải quyết khiếu nại tố cáo đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức trong ngành, không để xảy ra hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu trong giải quyết nhiệm vụ của ngành.

IV. KIẾN NGHỊ

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền nâng cao ý thức người dân, về các quy định pháp luật có liên quan đến ngành, lĩnh vực.

Tiếp tục rà soát, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước có liên quan tránh chồng chéo, không đầy đủ nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong thanh tra, kiểm tra.

Thực hiện tốt có hiệu quả công tác cải cách hành chính tại các cơ quan, đơn vị nhằm công khai các hoạt động của đơn vị, hạn chế, ngăn chặn việc lợi dụng sơ hở để tham nhũng.

Có cơ chế bảo vệ an toàn tuyệt đối cho các cá nhân trong việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng và hình thức khen thưởng kịp thời cho các tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác phòng chống tham nhũng.

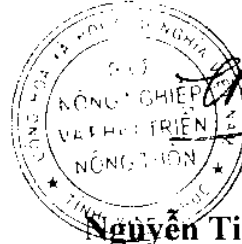
Thường xuyên tăng cường công tác chỉ đạo, đào tạo, tập huấn, không ngừng nâng cao chất lượng cho đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra. Tăng cường cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ làm công tác thanh tra. *g*

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- TT Đảng ủy Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, TTr. *g*

(g)

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tiên Phong

PHỤ LỤC SỐ 01

THÔNG KÊ SỐ LIỆU CHỦ YẾU

VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG (TỪ 01/6/2006 ĐẾN 31/8/2015)

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-SNNPTNT ngày 28 tháng 10 năm 2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc)

MS	NỘI DUNG	ĐƠN VỊ TÍNH	SỐ LIỆU
CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT			
1	Số văn bản hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN	Văn bản	
2	Số văn bản được sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành	Văn bản	
TUYÊN TRUYỀN, PHÓ BIẾN, GIAO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN			
3	Số lượt cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN	Lượt người	200
4	Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về phòng, chống tham nhũng được tổ chức	Lớp	02
5	Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật phòng, chống tham nhũng được xuất bản	Tài liệu	
THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG			
<i>Công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị)</i>			
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch	CQ, TC, ĐV	66
7	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch hoạt động	CQ, TC, ĐV	0
<i>Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn</i>			
8	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới	Văn bản	01
9	Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Văn bản	
10	Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Cuộc	66
11	Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý	Vụ	0
12	Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn	Người	0
13	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật	Người	0
14	Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự	Người	0
15	Tổng giá trị các vi phạm về chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường (nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền).	Triệu đồng	0
16	Tổng giá trị vi phạm chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường	Triệu đồng	0
17	Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị	Người	0
18	Giá trị quà tặng đã được nộp lại (Nếu là ngoại tệ, tài sản thì quy đổi thành tiền)	Triệu đồng	0
Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức			
19	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức	CQ, TC, DV	
20	Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp đã bị xử lý	Người	0
21	Số cán bộ, công chức, viên chức được chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng	Người	



4

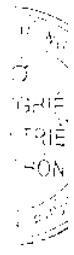
	Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập		
22	Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập	Người	0
23	Số người bị kết luận kê khai không trung thực	Người	0
	Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị		0
24	Số người đứng đầu bị kết luận là thiếu trách nhiệm đề xây ra hành vi tham nhũng	Người	
25	Số người đứng đầu đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm đề xây ra hành vi tham nhũng	Người	
26	Số người đứng đầu bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm đề xây ra tham nhũng	Người	
26a	Số người bị tạm đình chỉ công tác, tạm chuyển vị trí công tác khác do có dấu hiệu tham nhũng	Người	
26b	Số yêu cầu giải trình đã được giải trình theo quy định về trách nhiệm giải trình	Yêu cầu	
26c	Tỷ lệ đã thực hiện giải trình so với số yêu cầu giải trình đủ điều kiện để giải trình	%	
	Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán		
27	Số cơ quan, tổ chức đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính	CQ, TC, DV	10
28	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức đã chỉ trả lương qua tài khoản trên tổng số cơ quan, đơn vị trực thuộc	%	100
	PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHƯNG		
	Qua việc tự kiểm tra nội bộ		
29	Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Vụ	0
30	Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ	Người	0
	Qua hoạt động thanh tra		
31	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra	Vụ	0
32	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra	Người	0
	Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo		
33	Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, tổ chức	Đơn	0
34	Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết	Đơn	0
35	Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Vụ	0
36	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo	Người	0
	Qua công tác kiểm toán		
37	Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác kiểm toán	Vụ	0
38	Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác kiểm toán	Người	0
	Qua điều tra tội phạm		
39	Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng khởi tố	Vụ	02
40	Số bị can tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố	Người	08
	Công tác truy tố tội phạm tham nhũng		
41	Số vụ án tham nhũng đã bị truy tố	Vụ	02
42	Số vụ án tham nhũng đã bị đình chỉ, tạm đình chỉ	Vụ	0
43	Số bị can tham nhũng đã bị truy tố	Người	08
	XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHƯNG		

44	Số vụ án tham nhũng đã đưa ra xét xử (địa phương thông kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thông kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Vụ	0
45	Số đối tượng bị kết án tham nhũng (địa phương thông kê kết quả xét xử sơ thẩm của toà án; bộ, ngành thông kê theo kết quả xét xử sơ thẩm đối với các vụ án xảy ra trong phạm vi quản lý trực tiếp)	Người	
	Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng;	Người	
	+ Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng.	Người	
46	Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính	Vụ	
47	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	Người	
48	Số vụ việc tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Vụ	
49	Số đối tượng tham nhũng đã được phát hiện, đang được xem xét đề xử lý (chưa có kết quả xử lý)	Người	
	Tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam - ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường		
	+ Bảng tiền (tiền Việt Nam - ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	
	+ Đất đai	m ²	0
	Tài sản tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được		
	- Bảng tiền (tiền Việt Nam + ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam)	Triệu đồng	0
	- Đất đai	m ²	0
	Bảo vệ người tố cáo, phát hiện tham nhũng		
50	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù	Người	0
51	Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen, thưởng, trong đó	Người	0
	+ Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ	Người	
	+ Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương	Người	
	+ Tặng Giấy khen	Người	

PHỤ LỤC SỐ 02

**Tình hình tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác PCTN
(Thời điểm 31/8/2015)**

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-SNNPTNT ngày 20 tháng 11 năm 2015
của Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc)



TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Trong đó		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện (số)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị (CQ, TC, ĐV) đang thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				01
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				01
2	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
3	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
4	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc viện kiểm sát nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
5	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc toà án nhân dân				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
6	Số CQ, TC, ĐV thực hiện chức năng PCTN trực thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				
7	Số CQ, TC, ĐV khác thực hiện chức năng PCTN				
	Trong đó: + CQ, TC, ĐV chuyên trách PCTN				01
	+ CQ, TC, ĐV không chuyên trách				01
8	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức (CB,CC,VC) thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				

	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
9	Tổng số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc các cơ quan thanh tra nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				06
10	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc cơ quan công an				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
11	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Viện KSND				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
12	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Toà án nhân dân				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	+ CB,CC,VC kiêm nhiệm				
13	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN thuộc Kiểm toán Nhà nước				
	Trong đó: + CB,CC,VC chuyên trách PCTN				
	- CB,CC,VC kiêm nhiệm				
14	Tổng số cán bộ, công chức, viên chức khác đang thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN				04
15	Số CB,CC,VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng chưa được đào tạo phù hợp với nhiệm vụ về PCTN đang đảm nhiệm				04
16	Số CB, CC, VC thực hiện chức năng, nhiệm vụ về PCTN nhưng không có chế độ đãi ngộ đặc thù				04

4

PHỤ LỤC SỐ 03

**Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện Luật PCTN
(Từ 01/6/2006 đến 31/8/2015)**

(Kèm theo Báo cáo số 217/BC-SNNPTNT ngày 20 tháng 11 năm 2015
của Sở Nông nghiệp & PTNT Vĩnh Phúc)

TT	DIỄN GIẢI	Tổng	Kết quả của cơ quan thanh tra		
			Cấp bộ	Cấp tỉnh	Cấp huyện, số
1	Số cuộc thanh tra theo kế hoạch				01
2	Số cuộc kiểm tra theo kế hoạch				13
3	Số cuộc thanh tra đã triển khai				01
4	Số cuộc kiểm tra đã triển khai				13
5	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được thanh tra				01
6	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra				65
7	Số cuộc thanh tra đã có kết luận				01
	Số cuộc kiểm tra đã có kết luận				13
8	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã được kết luận có vi phạm, thiếu sót trong việc:				0
	-Xây dựng chương trình kế hoạch PCTN				
	-Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc thực hiện chương trình, kế hoạch PCTN				
	-Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước về PCTN				
9	- Số cơ quan, tổ chức, đơn vị bị kết luận có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện quy định về phòng ngừa tham nhũng (Phân tích chi tiết số cơ quan, tổ chức, đơn vị có vi phạm, thiếu sót trong thực hiện các quy định về phòng ngừa tham nhũng theo các nội dung sau):				0
	- Công khai, minh bạch trong mua sắm công				0
	- Công khai, minh bạch trong quản lý dự án đầu tư xây dựng				0
	- Công khai, minh bạch trong quản lý tài chính, ngân sách nhà nước				0
	- Công khai, minh bạch trong việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân				0
	- Công khai, minh bạch việc quản lý, sử dụng các khoản hỗ trợ, viện trợ				0
	- Công khai, minh bạch trong quản lý đất đai, tài sản công				0



1

	- Công khai, minh bạch trong công tác tổ chức- cán bộ			0
	- Trách nhiệm cung cấp thông tin			0
	- Cải cách thủ tục hành chính			0
	- Đổi mới công nghệ quản lý			0
	- Xây dựng các chế độ, định mức, tiêu chuẩn			0
	- Thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn			0
	- Chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức viên chức			0
	- Thực hiện các kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm toán			0
	- Xử lý thông tin, giải quyết tố cáo về dấu hiệu tham nhũng trong nội bộ, theo chức năng quản lý nhà nước			0
	- Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTN			0
10	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập			0
11	Số người bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về kê khai tài sản, thu nhập			0
12	Số người đã có kết luận vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng			0
13	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm quy định về nhận quà, nộp lại quà tặng			0
14	Số người đã có kết luận vi phạm Quy tắc ứng xử của CBCC, viên chức			0
15	Số người đã bị xử lý kỷ luật do vi phạm Quy tắc ứng xử			0
16	Số người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị bị xử lý trách nhiệm do đề xảy ra tham nhũng			0
17	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót trong việc phát hiện, xử lý hành vi tham nhũng			0
18	Số cơ quan, tổ chức, đơn vị đã bị kết luận có các vi phạm, thiếu sót khác trong việc thực hiện các quy định của Luật PCTN			0